

Số: 723 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tại Tờ trình số 786/TTr-CĐTNĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Đường thủy nội địa khu vực là cơ quan trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý nhà nước và thực thi pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa.

2. Chi cục Đường thủy nội địa khu vực có tư cách pháp nhân, có trụ sở riêng, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định

mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đường thủy nội địa, quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc phạm vi trách nhiệm.

2. Tham gia thực hiện các chương trình, dự án, đề án, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, chiến lược, quy hoạch, đề án và cơ chế chính sách phát triển giao thông đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý.

4. Quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

a) Đề xuất xây dựng kế hoạch hoặc tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, bảo trì, nâng cấp và xây dựng mới công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định và theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

b) Tiếp nhận, quản lý hồ sơ và theo dõi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phân cấp, ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; tổ chức lập phương án kỹ thuật, dự toán bảo dưỡng thường xuyên đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phê duyệt; quản lý chất lượng bảo trì công trình đường thủy nội địa theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; tiếp nhận, tổ chức quản lý công trình đường thủy nội địa được đầu tư xây dựng mới hoặc bảo trì bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định;

c) Tiếp nhận thông báo của chủ đầu tư về việc đưa công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa vào sử dụng; thực hiện nhiệm vụ liên quan đến xử lý vị trí nguy hiểm trên đường thủy nội địa theo quy định;

d) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và theo quy định;

đ) Có ý kiến về việc xây dựng bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia theo quy định;

e) Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đối với luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, công trình, khu vực hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia theo quy định;

g) Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối

với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia theo quy định;

h) Thực hiện thông báo định kỳ, thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với luồng quốc gia; kiến nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đóng, mở luồng và thực hiện công bố hạn chế giao thông theo quy định;

i) Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

k) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan trong việc bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa;

l) Tổng hợp tình hình hoạt động quản lý, bảo trì hệ thống đường thủy nội địa trong phạm vi quản lý.

5. Tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện việc thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và các hoạt động liên quan đến công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa khi được Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ủy quyền.

7. Tham gia quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ vận tải thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động trên phương tiện thủy nội địa theo quy định.

9. Tham gia, phối hợp phòng chống thiên tai, dịch bệnh và tìm kiếm, cứu nạn trên đường thủy nội địa quốc gia; phòng chống khủng bố, gian lận thương mại theo quy định.

10. Tổ chức thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó biến đổi khí hậu trong hoạt động giao thông vận tải trên đường thủy nội địa quốc gia theo phân công, phân cấp, ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

11. Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, cập nhật quản lý cơ sở dữ liệu theo phân cấp, ủy quyền của Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

12. Thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải đường thủy nội địa, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân; thực hiện phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Chi cục.

13. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình cải cách hành chính của đơn vị theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

14. Quản lý bộ máy, biên chế, công chức, người lao động, cơ sở vật chất, tài chính, tài sản, phương tiện, ngân sách Nhà nước được giao; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về hoạt động của Chi cục và thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

16. Thực hiện nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức Chi cục

1. Cơ cấu tổ chức của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực gồm:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính - Đào tạo;
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- c) Phòng Quản lý hạ tầng;

d) Đội Thanh tra - An toàn (Chi cục Đường thủy nội địa khu vực I có 05 đội Thanh tra - An toàn, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III có 04 đội Thanh tra - An toàn).

2. Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quy định phạm vi quản lý của các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trực thuộc; Chi cục trưởng Chi cục Đường thủy nội địa khu vực quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi quản lý của các phòng, đội Thanh tra - An toàn theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo Chi cục

1. Chi cục Đường thủy nội địa khu vực có Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng.

Chi cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục. Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật

về nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công. Số lượng Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục trưởng do Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật. Phó Chi cục trưởng, Kế toán trưởng do Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chi cục trưởng và theo quy định của pháp luật.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh khác thuộc Chi cục Đường thủy nội địa khu vực thực hiện theo quy định và phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1704/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kho bạc Nhà nước;
- Các Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải - Xây dựng Lào Cai;
- Công Thông tin điện tử Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (06 bản);
- Lưu: VT, TCCB (S-03 bản).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng